

THIẾT KẾ DẠY HỌC TỔNG THỂ NHẪM HỖ TRỢ TRẺ RỐI LOẠN PHỔ TỰ KỈ TRONG TRƯỜNG HÒA NHẬP

ThS. TRẦN THỊ BÍCH NGỌC - ThS. PHẠM THỊ HẢI YẾN*

Ngày nhận bài: 14/05/2016; ngày sửa chữa: 15/05/2016; ngày duyệt đăng: 16/05/2016.

Abstract: The rising of a number of children with Autism spectrum disorders leads to the increasing of the needs of teachers and their competency. To improve the quality of teachers for children with autism disorders, much knowledge, approaches and strategies should be provided and trained. Designing universal lessons and curricula is to reduce barriers in learning and provide innovative and supportive learning to meet the needs of all learners, especially for children with autism. This article points out the principles of designing universal lessons with changes in teaching methods and assessment in order to stimulate students to take part in learning activities.

Keywords: Children with autism spectrum disorders, designing universal lesson, inclusive school, inclusive education.

Ngày nay, rối loạn phổ tự kỉ (RLPTK) không còn là một dạng khuyết tật hiếm gặp. Trên thế giới, tỉ lệ trẻ RLPTK tăng gấp 10 lần trong vòng hai thập kỉ qua. Theo số liệu của *Trung tâm Kiểm soát và Phòng bệnh (CDC)*, năm 2015, tại Mỹ là 1/68 trẻ; còn ở Việt Nam, nghiên cứu mô hình tàn tật ở trẻ em của *Khoa Phục hồi chức năng (Bệnh viện Nhi Trung ương)* giai đoạn 2000-2007 cho thấy: số lượng trẻ được chẩn đoán và điều trị tự kỉ ngày càng nhiều (số trẻ tự kỉ đến khám năm 2007 tăng gấp 50 lần so với năm 2000; xu thế mắc tự kỉ tăng nhanh từ 122%-268% trong giai đoạn 2004-2007 so với năm 2000) [1].

Việc tăng tỉ lệ trẻ RLPTK dẫn đến gia tăng các nhu cầu về giáo viên (GV) nhằm giải quyết các vấn đề chính liên quan đến trẻ RLPTK và hỗ trợ có mục tiêu cho các nhu cầu của trẻ RLPTK. Vì vậy, cần có nhiều nghiên cứu về các chương trình nhằm cung cấp nội dung, hình thức, phương pháp dạy học có điều chỉnh cho trẻ RLPTK; giúp định hướng, hướng dẫn và hỗ trợ GV trong công tác giảng dạy. Điều này không chỉ đem lại lợi ích cho riêng trẻ RLPTK mà còn cho tất cả những trẻ khác trong lớp học. *Thiết kế dạy học tổng thể (TKDHTT)* là một Khung chương trình giáo dục được thiết kế phù hợp và đáp ứng nhu cầu của tất cả người học, cho phép phân nhóm học sinh (HS) theo sở thích và những HS có khó khăn (HS RLPTK) sẽ được hỗ trợ đặc biệt thông qua nhiều phương tiện cụ thể được GV áp dụng. Triết lí của TKDHTT là đáp ứng sự đa dạng của HS, trong đó có cả HS RLPTK. Đây là khái niệm còn rất mới ở Việt Nam, đặc biệt trong những trường hòa nhập có HS RLPTK. Vì vậy, việc nghiên cứu về TKDHTT là rất cần thiết, để cung cấp các kiến thức và kĩ năng cho

GV dạy HS RLPTK nhằm nâng cao chất lượng giáo dục tại các trường học hòa nhập.

1. Một số khái niệm

RLPTK là một dạng khuyết tật phát triển được đặc trưng bởi ba thiếu hụt chính về giao tiếp, tương tác xã hội và có hành vi, sở thích, hoạt động mang tính hạn hẹp, lặp đi lặp lại. RLPTK bao gồm các rối loạn có chung đặc điểm, song khác nhau về phạm vi, mức độ nặng, khởi phát và tiến triển của triệu chứng theo thời gian [1].

Giáo dục hoà nhập là hỗ trợ mọi trẻ, trong đó có trẻ khuyết tật, cơ hội bình đẳng tiếp nhận dịch vụ giáo dục với những hỗ trợ cần thiết trong lớp học, phù hợp tại trường phổ thông nơi trẻ sinh sống, nhằm chuẩn bị trở thành những thành viên đầy đủ của xã hội... [2]. Như vậy, giáo dục hòa nhập cho HS RLPTK là phải cung cấp cho HS cơ hội được tiếp cận học tập trong một nền giáo dục có chất lượng và bình đẳng; được hỗ trợ cần thiết cho quá trình học tập của trẻ như được điều chỉnh về nội dung, phương pháp, tài liệu học tập...

HS RLPTK có thể gặp khó khăn, thách thức khi tham gia vào lớp học phổ thông [3] do các thiếu hụt đặc trưng về hiểu biết xã hội, khó khăn trong giao tiếp xã hội và khó khăn với các hoạt động liên quan đến tưởng tượng [4]. Tuy nhiên, một số những đặc điểm khác như: không tập trung, thiếu động lực học tập, hành vi quấy rối... cũng dẫn đến việc HS không thể hiểu bài và không hoàn thành các bài tập trong lớp học. HS RLPTK thường gặp khó khăn khi tiếp thu những kiến thức mới trong lớp học, nhất là những bài học về nhận thức hoặc bài tập cần tốc độ xử lí; khó khăn với yêu cầu bài kiểm tra, các

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

cách diễn đạt và hiểu đề bài yêu cầu do khiếm khuyết chức năng thực thi, khả năng của cá nhân trong điều phối các hành vi mang tính mục đích, gồm: - Kiểm chế; - Khả năng chuyển sự tập trung và hành động; - Lập kế hoạch; - Trí nhớ công việc; - Tự giám sát. Đặc biệt, HS RLPTK có những khó khăn liên quan đến các phương pháp, quy tắc học tập và việc chia nhỏ các thông tin. Để hỗ trợ cho những khiếm khuyết này của trẻ RLPTK trong lớp hòa nhập, GV có thể sử dụng Khung chương trình TKDHTT.

2. Nội dung của Khung chương trình TKDHTT

TKDHTT bao gồm một bộ các quy tắc thiết kế chương trình giúp GV điều chỉnh chương trình cho phù hợp với mọi đối tượng HS, không phân biệt khả năng, khuyết tật, lứa tuổi, giới tính, văn hóa và là công cụ nhằm đáp ứng những nhu cầu khác biệt của mỗi cá nhân. Các nguyên tắc của TKDHTT là: - *Tại sao phải học?* (kích thích sự thích thú và động lực học tập của HS); - *HS học được từ điều gì?* (GV tổng hợp, trình bày các thông tin và nội dung theo nhiều cách khác nhau như thế nào); - *HS thể hiện kết quả học như thế nào?* (đánh giá HS theo hình thức đa dạng hóa cách thức mà HS có thể thể hiện những kiến thức đã học). Việc áp dụng TKDHTT để giải quyết các rào cản cơ bản trong học tập đó là một chương trình khung linh hoạt và “chương trình phù hợp cho tất cả” đối tượng người học (HS bình thường và HS RLPTK) thông qua việc gợi ý sử dụng đa dạng các tài liệu dạy học, các kĩ thuật - phương pháp dạy học...

Ba quy tắc chính của Khung chương trình TKDHTT là: - *Đa dạng hóa hình thức dạy học của GV*: GV sử dụng nhiều biện pháp trình bày, ứng dụng các phương tiện hỗ trợ để giúp HS RLPTK hiểu rõ các thông tin, khái niệm, nội dung; từ đó sẽ học tập hiệu quả hơn. Ví dụ, sử dụng tài liệu trực quan, thực hành...; - *Đa dạng hóa cách đánh giá kết quả học tập của HS*: HS có thể thể hiện các kĩ năng và kiến thức học bằng nhiều cách khác nhau. Ví dụ, thay vì đánh giá kết quả học tập của trẻ RLPTK bằng bài tập làm văn, GV có thể yêu cầu trẻ thể hiện kiến thức đã học theo hình thức: thiết kế bằng hình, vẽ tranh, bích báo...; - *Kích thích hứng thú và huy động sự tham gia của HS vào các hoạt động lớp học*: Dựa trên những nhu cầu và sở thích của HS, GV cho HS lựa chọn nội dung và công cụ học tập theo sở thích. Điều này sẽ kích thích và tạo động lực học tập cho trẻ. GV cũng có thể cấu trúc lớp học phù hợp giúp HS tăng cường hứng thú trong học tập.

Ba đặc điểm chủ chốt của Khung chương trình TKDHTT nhằm thúc đẩy giáo dục hòa nhập hiệu quả là: - Mục tiêu của hòa nhập là hỗ trợ tất cả HS trong lớp

học theo những cách khác nhau và là một phần “tự nhiên” của việc trẻ đi học; - GV nên sử dụng những hỗ trợ phù hợp với lịch học hàng ngày của trẻ; - Thay đổi những hoạt động diễn ra trong lớp học nhằm tạo ra môi trường hòa nhập hiệu quả để HS RLPTK có thể được dạy trong một môi trường có hỗ trợ. Hiện nay, lớp học ngày càng đa dạng và GV cần chủ động tích cực thiết lập môi trường giáo dục tốt cùng các phương pháp dạy học phù hợp nhằm hỗ trợ tất cả HS, trong đó có HS RLPTK.

3. Áp dụng Khung chương trình TKDHTT trong lớp học hòa nhập có HS RLPTK

3.1. Sắp xếp thời khóa biểu - Lịch biểu. Việc làm này giúp gia tăng sự tham gia và chú ý của HS vào bài học. Thông qua kế hoạch cụ thể cho các sự kiện trong ngày, HS RLPTK sẽ nhận biết và chuẩn bị tốt hơn đối với những hoạt động tiếp theo, những thay đổi sắp diễn ra và giúp HS nhận biết những mong đợi của GV. Điều này cũng giúp trẻ giảm bớt sự căng thẳng, lo lắng, có thời gian chuẩn bị cho các hoạt động kế tiếp và HS tập trung hơn vào nội dung của bài học.

GV có thể vận dụng Khung chương trình TKDHTT để xây dựng các lịch biểu trong lớp học theo nhiều cách khác nhau. Ví dụ, sử dụng hình ảnh, biểu tượng để đại diện cho từng hoạt động; sau đó, liệt kê thứ tự các hoạt động được hoàn thành trong ngày (*Toán, Tiếng Việt...*) và dán kế hoạch đó lên nơi mà HS nhìn thấy. GV nên xây dựng một lịch trình có các hoạt động theo thứ tự và sau mỗi hoạt động đã hoàn thành, GV cần nhắc cho trẻ biết. Hoặc nếu có thay đổi về tiết học, môn học hay bất cứ thay đổi nào khác, GV nên đưa vào lịch trình và nhấn mạnh những thay đổi đó cho trẻ RLPTK (các em rất khó khăn đối với những việc xảy đến bất ngờ), điều này sẽ giúp trẻ có thời gian chuẩn bị và tránh được sự căng thẳng.

Ngoài thời khóa biểu, GV có thể tạo ra các lịch trình cụ thể cho từng bài học, buổi học theo thứ tự (lịch trình buổi học ngày hôm nay là: truy bài, *Toán, Tiếng Việt...*). Hình thức có thể là viết lên một mảnh giấy để trên bàn HS hoặc liệt kê theo thứ tự lên bảng cho cả lớp cùng xem. Khi đó, GV sẽ nhắc đến từng hoạt động và gạch vào đó khi HS hoàn thành nhiệm vụ

3.2. Quy trình của nhiệm vụ. Quy trình là trình tự (thứ tự, cách thức) GV muốn HS thực hiện một hoạt động đã được quy định trong lớp học và lịch trình sẽ giúp HS tự thực hiện theo kế hoạch GV vạch ra. Khi HS biết rõ mục tiêu của lớp học và thực hiện theo quy trình sẽ giúp HS hoàn thành nhiệm vụ GV phân công và cải thiện hành vi của HS RLPTK.

GV cần thiết lập một quy trình chi tiết để có thể dạy

cho HS những mục tiêu về hành vi và các nội dung kiến thức, có thể lần lượt thực hiện theo các bước: - GV nêu nội dung của quy trình; - Giải thích rõ về quy trình sử dụng, các bước thực hiện; - Luyện tập nhiều lần cho HS trong lớp cho đến khi thành thạo quy trình; - Giám sát quy trình qua các phản hồi, củng cố và dạy lại khi cần thiết. Ví dụ về quy trình trong buổi học gồm các bước: - Khởi động lớp học; - Làm bài tập về nhà; - Xếp hàng rời khỏi phòng.

3.3. Chỉ dẫn là những thông báo và hướng dẫn cho HS biết hoạt động sẽ xảy ra sau khi kết thúc một hoạt động. Trước khi dạy học, GV có thể liên hệ các kiến thức cũ của HS với nội dung mới sẽ được giới thiệu trong bài học mới. Cần hướng dẫn cụ thể để giúp HS RLPTK tăng khả năng tập trung chú ý, hoàn thành bài tập và đạt được kết quả tốt. Khi hướng dẫn, GV giới thiệu thêm cho HS các tài liệu (sách giáo khoa hoặc, tài liệu trên Internet, giáo án điện tử...) trước khi dạy. Việc làm này giúp GV đa dạng hóa các phương thức trình bày, nâng cao kết quả học tập và kích thích hứng thú tham gia của HS. GV cũng có thể yêu cầu HS lựa chọn: đọc trước các câu hỏi hoặc nói đến thông tin có liên quan trước khi giảng dạy. Khi bắt đầu vào tiết học, GV giới thiệu kế hoạch môn học nhằm giúp HS nhận biết các hoạt động trong ngày.

3.4. Sử dụng các sở thích đặc biệt của HS: Có nhiều cách để tận dụng các sở thích đặc biệt nhằm kích thích động lực học tập và tạo ra sự thay đổi về kiến thức, hành vi và nhu cầu xã hội cho HS RLPTK [3]. Nếu sử dụng đúng các sở thích của HS RLPTK sẽ giúp các em tăng cường sự hoạt động, kích thích hứng thú, bắt nhịp với các bài tập nhanh hơn và cải thiện việc viết hoặc làm các bài tập toán. GV có thể sử dụng các sở thích đặc biệt của HS trong lớp học bằng việc tìm hiểu, nói chuyện để tìm ra các sở thích của trẻ. Sau khi hiểu rõ các sở thích của HS, GV cần kết hợp, lựa chọn các sở thích của nhiều HS khác nhau trong lớp, từ đó đưa ra kế hoạch dạy học phù hợp. Qua các sở thích đặc biệt của trẻ, GV có thể được lựa chọn và giảng dạy những nội dung, chủ đề trẻ hứng thú, hay đưa ra bài tập theo sở thích của HS...

3.5. Đa dạng phương thức trình bày nội dung giảng dạy của GV. Hình ảnh là công cụ giáo dục được sử dụng để hỗ trợ HS RLPTK tổ chức các thông tin, nhằm xử lý và gợi nhớ, hiểu các khái niệm có liên quan. Do vậy, GV nên thường xuyên sử dụng hình thức này trong việc dạy học trên lớp. Nếu có nhiều cách trình bày khác nhau đối với một nội dung cụ thể sẽ giúp cho bài dạy “khó hiểu” sẽ trở nên cụ thể và dễ hiểu hơn. Ví dụ, HS có thể trình bày về 5 giác quan

của con người thông qua hình ảnh trực quan; sau đó, GV có thể dùng hình ảnh để gợi nhớ lại thông tin mà HS đã làm và học.

Bản đồ hình ảnh và nghĩa cho hình ảnh là một dạng khác của hình ảnh trực quan, cho phép HS mở rộng và phối hợp các ý tưởng giúp dễ ghi nhớ và nhanh hiểu bài. Chẳng hạn, khi thảo luận về giao thông, GV có thể làm các loại bản đồ thể hiện các loại hình giao thông khác nhau (đường biển, đường bộ, hàng không...). HS có thể sử dụng các hình ảnh, lời nói để xây dựng các hình ảnh trực quan nhằm mục đích: - Giúp trẻ hoàn thành bài tập về nhà; - Giúp trẻ hiểu nội dung trong bài học; - Cải thiện sự độc lập của trẻ khi tự làm bài tập

3.6. Đa dạng hóa cách thể hiện sự hiểu bài và đánh giá HS. Với mỗi bài tập cho HS RLPTK, GV cần xây dựng cấu trúc hoặc phân tích nhiệm vụ, yêu cầu cụ thể cho bài tập đó. Thông qua những chỉ dẫn và thực hiện theo quy trình sẽ giúp HS RLPTK hoàn thành nhiệm vụ và bài tập dễ dàng hơn. Những bài tập yêu cầu cao (như dự án, các bài luận) nên được chia nhỏ thành nhiều phần khác nhau, sẽ giúp HS hiểu bài hơn và có khả năng hoàn thành bài tập được giao. Ngoài ra, GV có thể dạy thông qua cách thức “làm mẫu” và yêu cầu HS thực hiện theo hướng dẫn của GV hay hỗ trợ HS bằng cách nhắc trẻ nhiệm vụ cần thực hiện, giảng dạy nội dung và trình bày nội dung theo nhiều cách khác nhau. Việc đánh giá kết quả học tập của HS phải được thực hiện một cách linh hoạt và rõ ràng. Muốn làm được điều này, GV cần giải thích rõ yêu cầu đối với HS trên phiếu đánh giá, dạy HS cách thực hiện để đạt được mục tiêu và đạt kết quả cao trong học tập.

3.7. Các lựa chọn: GV có thể chọn lựa sử dụng một chủ đề phù hợp, sau đó giảng dạy bằng nhiều phương pháp và hình thức cho lớp học có HS RLPTK. Ví dụ, GV dạy HS thông qua các bài luận bằng hình ảnh, bản đồ trực quan, bài kiểm tra viết. Cách làm này cũng kích thích sự thích thú và tạo động lực học tập cho các em. Hay, để đánh giá HS RLPTK, GV có thể lựa chọn các kiểu đánh giá khác nhau, như: các bài kiểm tra viết, bài trình bày, bài báo, hồ sơ, hình ảnh... GV dựa trên điểm mạnh của từng HS, các sở thích đặc biệt và cho trẻ tự đánh giá, sử dụng các hình thức khác nhau nhằm tăng cường sự thể hiện và tham gia của HS RLPTK.

* * *

Có nhiều cách đa dạng hóa sự lựa chọn và trình bày các nội dung dạy học đồng thời kích thích hứng thú của HS RLPTK trong lớp học bằng việc sử dụng

(Xem tiếp trang 140)

2.2.3. *Phương pháp hỗ trợ cá nhân* là phương pháp mà ở đó, GV quan sát, theo dõi, nắm bắt nhu cầu cần giúp đỡ của HS, từ đó có sự hỗ trợ kịp thời và phù hợp cho từng cá nhân. Với HS bình thường và khuyết tật (trong đó có HSKT), mỗi em là một cá thể riêng biệt, có khả năng, nhu cầu khác nhau; do đó phương pháp hỗ trợ cá nhân được xem là một phương pháp dạy học trọng tâm nên GV cần thường xuyên sử dụng.

Với môn học *Kí hiệu ngôn ngữ*, phương pháp hỗ trợ cá nhân cần được sử dụng xuyên suốt trong cả tiết học, từ hoạt động đầu tiên là kiểm tra, ôn tập bài cũ cho đến hoạt động cuối cùng là củng cố bài mới.

Một số lưu ý khi sử dụng phương pháp hỗ trợ cá nhân: - Việc hỗ trợ cá nhân cho HSKT không nên tập trung vào việc sửa lỗi kí hiệu, điều này sẽ khiến quá trình giao tiếp giữa HSKT với GV và giữa các em mất đi sự tự nhiên cần có của việc học và giao tiếp bằng kí hiệu; - Khi hỗ trợ cá nhân, GV cần chú ý đến mức độ hỗ trợ, có HSKT cần hỗ trợ nhiều, có em lại cần hỗ trợ ít; hiểu khả năng và nhu cầu của từng em để đưa ra các mức độ hỗ trợ phù hợp, làm tăng tối đa khả năng độc lập cho các em.

2.2.4. *Phương pháp sử dụng trò chơi* là phương pháp dạy học, trong đó GV sử dụng trò chơi học tập, qua đó giúp HS lĩnh hội kiến thức. Sử dụng trò chơi trong dạy học các môn học nói chung và môn *Kí hiệu ngôn ngữ* nói riêng, giúp HS cảm nhận được một cách trực tiếp kết quả hoạt động của mình: đúng, sai, nhiều, ít, tốt, chưa tốt... Kết quả này có ý nghĩa lớn, mang lại niềm vui, thúc đẩy tính tích cực, mở rộng củng cố và phát triển vốn hiểu biết cho HSKT, mặt khác còn giúp GV kiểm tra, nắm bắt kết quả học tập từ phía người học.

Một số lưu ý khi sử dụng phương pháp: - Khi học môn *Kí hiệu ngôn ngữ*, HSKT phải sử dụng nhiều đến cơ quan vận động của cơ thể, chuyển động của tay. Do đó, GV cần chú ý cho HSKT chơi các trò chơi vận động mang tính chất “khởi động”, giúp các em thực hiện các chuyển động của tay và hình dạng bàn tay khi làm kí hiệu được rõ ràng, linh hoạt và thuần thục hơn; - GV có thể sử dụng phương pháp trò chơi vào các thời điểm khác nhau của tiết học. Tuy nhiên, thông thường GV nên sử dụng trò chơi sau khi cung cấp các kí hiệu mới cho HSKT; - GV cần hiểu mức độ, khả năng của HSKT trong lớp của mình để thiết kế mức độ kiến thức của trò chơi phù hợp với khả năng nhận thức của các em.

Ngôn ngữ là công cụ để giao tiếp và tư duy. Quá trình dạy học kí hiệu cho HSKT nhằm cung cấp cho các

em một phương tiện để giao tiếp và tư duy, phát triển nhận thức. Môn *Kí hiệu ngôn ngữ* trong chương trình chuyên biệt dành cho HSKT cấp tiểu học là môn học chính thức, bắt buộc, với sự phân bố thời lượng khá lớn, nhất là ở các lớp đầu cấp tiểu học nhằm cung cấp vốn kí hiệu, hình thành và phát triển khả năng sử dụng kí hiệu làm phương tiện trao đổi thông tin trong quá trình giao tiếp và học tập cho các em. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Đỗ Văn Ba (chủ biên) (2002). *Kí hiệu cử chỉ điểu bộ của người điếc Việt Nam*. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- [2] Cao Xuân Mỹ (chủ biên) (2005). *Phần mềm Từ điển kí hiệu cho người điếc Việt Nam*. Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
- [3] Bộ GD-ĐT (2010). *Chương trình giáo dục chuyên biệt dành cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học*. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- [4] Barbara Lee Crickmore (1995). *Education of the Deaf and Hearing impaired: A brief history*. 2nd Edition, Mayfield, N.S.W. Education Management System.
- [5] I.G Kyle - B.Woll - G.Pullen - F.Maddix (2002). *Sign language, the study of deaf and their language*. Cambridge University, United Kingdom.

Thiết kế dạy học tổng thể...

(Tiếp theo trang 120)

các quy tắc của Khung chương trình TKDHTT. GV sử dụng quy tắc của khung TKDHTT càng nhiều thì HS RLPTK sẽ được hỗ trợ và nhận được lợi ích nhiều hơn. Tuy nhiên, GV cần lưu ý, mỗi HS RLPTK lại là một cá nhân khác biệt, không ai giống ai, nên trong quá trình áp dụng Khung chương trình TTDHTT vào dạy học hòa nhập cho HS RLPTK, GV cần điều chỉnh nội dung, phương pháp, phương tiện cho phù hợp với từng HS để đảm bảo bài dạy thành công và nâng cao chất lượng của lớp học. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thị Hoàng Yến (2013). *Tự kỉ - những vấn đề lí luận và thực tiễn*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Nguyễn Xuân Hải (2009). *Giáo dục học trẻ khuyết tật*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Christopher B. Penning - Amelia K. Moody (2013). *Supporting students with autism spectrum disorders in inclusive settings*. Rethinking Instruction & Resign. Electronic Journal for inclusive education.
- [4] Youth Sport Trust (2008). *High quality physical education for pupils with autism*. Loughborough University.